

TRƯỜNG TRUNG CẤP
Y - DƯỢC CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trung tâm giáo dục thường xuyên, năm học 2021-2022**

A. Giáo dục thường xuyên

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			THCS	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học viên thuộc diện xếp loại hạnh kiểm	309		85	82	142
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	295 (95.5%)		74 (87.1%)	79 (96.3%)	142 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	14 (4,5%)		11 (12.9%)	3 (3.7%)	0 (0%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)		0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)		0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
II	Số học viên chia theo học lực	309		85	82	142
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	17 (5.5%)		0 (0%)	3 (3.7%)	14 (9.9%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	210 (68%)		42 (49.4%)	42 (51.2%)	126 (88.7%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	82 (26.5%)		43 (50.6%)	37 (45.1%)	2 (1.4%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)		0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)		0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	313		85	83	145
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	309 (98.7%)		85 (100%)	82 (98.8%)	142 (97.9%)

a	Học viên giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	17 (5.4%)		0 (0%)	3 (3.6%)	14 (9.7%)
b	Học viên tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	210 (67.1%)		42 (49.4%)	42 (50.6%)	126 (86.9%)
2	Thì lại (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)		0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)		0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
4	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	4 (1.3%)		0 (0%)	1 (1.2%)	3 (2.1%)
IV	Số học viên dự xét hoặc thi tốt nghiệp	142				142
V	Số học viên được công nhận tốt nghiệp	139				139
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VI	Số học viên thi đỗ đại học công lập (tỷ lệ so với tổng số)	22 (16%)				22 (16%)
VII	Số học viên thi đỗ đại học ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	12 (9%)				12 (9%)
VIII	Số học viên vào học các cơ sở GD nghề nghiệp khác (tỷ lệ so với tổng số)					

B. Đào tạo liên kết hình thức vừa làm vừa học, từ xa (Đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm)

TT		Trình độ đào tạo	Khóa học/ Năm tốt nghiệp	Số học viên nhập học	Số học viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp			Số học viên đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương, doanh nghiệp	Tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (Đối với học viên chưa có việc làm)
						Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá		
I	Tổng số									
II	Liên kết đào tạo	Không có								
1	Chuyên ngành									
III	Liên kết đào tạo hình thức từ xa	Không có								
1	Chuyên ngành									
IV	Chương trình đào tạo liên kết với doanh nghiệp	Không có								
1	Chuyên ngành									

C. Các chương trình bồi dưỡng, đào tạo khác

STT	Chương trình bồi dưỡng, đào tạo	Số người tham gia	Thời gian bồi dưỡng, đào tạo (tháng)	Số người được cấp chứng chỉ (nếu có)
1	...			
2	...			
3	...			

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2023

TM.NHÀ TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Ngô Văn Lân